

Số: 13/2017/NQ-HĐND

Hậu Giang, ngày 08 tháng 12 năm 2017

NGHỊ QUYẾT

**Điều chỉnh, bổ sung quy hoạch bố trí ổn định dân cư giai đoạn 2017 - 2020
và định hướng đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Hậu Giang**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG
KHÓA IX KỲ HỌP THỨ BẢY**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Thông tư số 05/2013/TT-BKHĐT ngày 31 tháng 10 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh và công bố quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội; quy hoạch ngành, lĩnh vực và sản phẩm chủ yếu;

Căn cứ Thông tư số 03/2014/TT-BNNPTNT ngày 25 tháng 01 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn thực hiện Quyết định số 1776/QĐ-TTg ngày 21 tháng 11 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình bố trí dân cư các vùng: Thiên tai, đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo, di cư tự do, khu rừng đặc dụng giai đoạn 2013 - 2015 và định hướng đến năm 2020;

Xét Tờ trình số 237/TTr-UBND ngày 24 tháng 11 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang về việc đề nghị điều chỉnh, bổ sung quy hoạch bố trí ổn định dân cư giai đoạn 2017 - 2020 và định hướng đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Hậu Giang; Báo cáo thẩm tra của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Hội đồng nhân dân tỉnh thống nhất thông qua điều chỉnh, bổ sung quy hoạch bố trí ổn định dân cư giai đoạn 2017 - 2020 và định hướng đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Hậu Giang, cụ thể như sau:

1. Quan điểm bố trí dân cư

a) Điều chỉnh, bổ sung quy hoạch bố trí ổn định dân cư giai đoạn 2017 - 2020 và định hướng đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Hậu Giang phù hợp với các mục tiêu của Chương trình bố trí ổn định dân cư theo Quyết định số 1776/QĐ-TTg ngày 21

tháng 11 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ; quy hoạch tổng thể kinh tế - xã hội và quy hoạch phát triển các ngành trên địa bàn tỉnh; bảo đảm cuộc sống của người dân đến nơi ở mới tốt hơn hoặc bằng nơi ở cũ và ổn định lâu dài, tạo điều kiện thuận lợi để sản xuất phát triển, nâng cao thu nhập và cải thiện điều kiện sống của người dân.

b) Việc bố trí lại dân cư phải gắn với củng cố an ninh quốc phòng, bảo vệ tốt môi trường, hình thành các ấp, khu phố văn minh, tiến bộ và phù hợp với truyền thống văn hóa, tập quán tiến bộ của từng dân tộc.

c) Thực hiện lồng ghép có hiệu quả với các chương trình dự án khác, nhất là các chương trình bố trí dân cư và các chương trình phát triển nhà ở khác của tỉnh; khai thác tốt các nguồn vốn đầu tư từ ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh và các huyện, thị xã, thành phố đi đôi với đẩy mạnh xã hội hóa công tác di dân với phương châm nhà nước tạo môi trường thuận lợi, khuyến khích và huy động mọi nguồn lực đầu tư trong xã hội vào bố trí lại dân cư.

d) Bố trí, ổn định dân cư không chỉ cho các năm trước mắt mà còn lâu dài để chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu.

2. Phạm vi điều chỉnh

Bố trí ổn định dân cư trên địa bàn của các huyện, thị xã, thành phố tỉnh Hậu Giang:

a) Vùng thiên tai: Sạt lở đất, sụt lún đất, lốc xoáy, ngập lũ, xâm nhập mặn, nước biển dâng.

b) Vùng đặc biệt khó khăn: Thiếu đất, thiếu nước sản xuất, nước sinh hoạt, thiếu cơ sở hạ tầng, ô nhiễm môi trường không có điều kiện hỗ trợ đầu tư để người dân ổn định đời sống lâu dài.

c) Vùng có dân di cư tự do đến địa bàn các huyện, thị xã, thành phố không theo quy hoạch bố trí dân cư có đời sống quá khó khăn và sinh sống ở khu rừng đặc dụng cần phải bố trí, ổn định lâu dài.

3. Đối tượng áp dụng

Bao gồm các đối tượng theo quy định tại Quyết định số 1776/QĐ-TTg ngày 21 tháng 11 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ và Thông tư số 03/2014/TT-BNNPTNT ngày 25 tháng 01 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, cụ thể như sau:

a) Hộ gia đình, cá nhân được bố trí ổn định theo hình thức tái định cư tập trung, xen ghép hoặc ổn định tại chỗ thuộc các vùng thiên tai, đặc biệt khó khăn, di cư tự do, khu rừng đặc dụng theo quy hoạch, kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt, bao gồm:

- Hộ gia đình, cá nhân bị mất đất ở, đất sản xuất do sạt lở đất, sụt lún đất, lốc xoáy;

- Hộ gia đình, cá nhân sinh sống ở vùng có nguy cơ bị sạt lở đất, sụt lún đất, ngập lũ, lốc xoáy, xâm nhập mặn, nước biển dâng;

- Hộ gia đình, cá nhân sống ở vùng đặc biệt khó khăn về đời sống như: Thiếu đất, nước để sản xuất, thiếu nước sinh hoạt, thiếu cơ sở hạ tầng, ô nhiễm môi trường;

- Hộ gia đình, cá nhân đã di cư tự do đến các địa bàn trong tỉnh không theo quy hoạch bố trí dân cư, đời sống còn khó khăn;

- Hộ gia đình, cá nhân đang sinh sống hợp pháp trong khu rừng đặc dụng cần phải bố trí ổn định đời sống lâu dài, gắn với bảo vệ và phát triển rừng.

b) Cộng đồng dân cư nơi bố trí ổn định dân cư, bao gồm:

- Cộng đồng dân cư vùng tiếp nhận hộ tái định cư tập trung;

- Cộng đồng dân cư vùng tiếp nhận hộ dân xen ghép;

- Cộng đồng dân cư vùng bố trí ổn định dân cư tại chỗ.

4. Mục tiêu quy hoạch

a) Mục tiêu tổng quát

Bố trí ổn định dân cư tại các vùng thiên tai, đặc biệt khó khăn, di cư tự do, khu rừng đặc dụng: Nhằm ổn định và nâng cao đời sống của người dân, hạn chế tới mức thấp nhất thiệt hại do thiên tai; giải quyết việc làm, tăng thu nhập, góp phần giảm nghèo, bảo vệ môi trường và củng cố an ninh, quốc phòng.

b) Mục tiêu cụ thể

- Sắp xếp, bố trí ổn định nơi ở, tạo điều kiện sinh sống tốt hơn cho 9.919 hộ với 42.865 nhân khẩu, trong đó 9.799 hộ thuộc khu vực sạt lở, có nguy cơ sạt lở và 120 hộ sống trong rừng đặc dụng; nhằm ổn định và nâng cao đời sống, hạn chế đến mức thấp nhất thiệt hại do thiên tai, bảo vệ môi trường, chỉnh trang đô thị và xây dựng nông thôn mới thành công.

- Xây dựng hoàn thiện đồng bộ kết cấu hạ tầng phục vụ sản xuất và phúc lợi công cộng.

- Phát triển sản xuất bền vững vùng bố trí dân cư, giảm nghèo bền vững.

- Đầu tư gia cố bờ sông, kênh, rạch, đặc biệt là các khu vực có dân cư sinh sống để phòng chống sạt lở, hạn chế tới mức thấp nhất thiệt hại về người và tài sản của Nhân dân.

5. Nội dung điều chỉnh và bổ sung quy hoạch

a) Hình thức bố trí

Bố trí ổn định cho 9.919 hộ, theo 3 hình thức sau:

- Di dời đến 8 cụm dân cư tập trung 1.835 hộ, chiếm 18,50% tổng số hộ cần bố trí;

- Xen ghép vào tuyến dân cư trên địa bàn 33 xã, phường, thị trấn với 2.811 hộ, chiếm 28,34% tổng số hộ cần bố trí;

- Ổn định tại chỗ trên địa bàn 56 xã, phường, thị trấn với 5.273 hộ, chiếm 53,16% tổng số hộ cần bố trí.

b) Phân kỳ thực hiện

- Giai đoạn 2017 - 2020: Toàn tỉnh sẽ bố trí ổn định cho 5.129 hộ, chiếm 51,71% tổng số hộ cần bố trí, được chia ra 3 hình thức như sau:

+ Di dời đến 2 cụm, tuyến dân cư tập trung 936 hộ, chiếm 18,25% số hộ bố trí giai đoạn 2017 - 2020.

+ Xen ghép vào tuyến dân cư trên địa bàn 33 xã, phường, thị trấn với 1.953 hộ, chiếm 38,08% số hộ bố trí giai đoạn 2017 - 2020.

+ Ổn định tại chỗ trên địa bàn 56 xã, phường, thị trấn với 2.240 hộ, chiếm 43,67% số hộ bố trí giai đoạn 2017 - 2020.

- Giai đoạn định hướng đến năm 2025: Toàn tỉnh sẽ bố trí ổn định cho 4.790 hộ, chiếm 48,29% tổng số hộ cần bố trí, được chia ra 3 hình thức như sau:

+ Di dời đến 6 cụm, tuyến dân cư tập trung 899 hộ, chiếm 18,77% số hộ bố trí giai đoạn định hướng đến năm 2025, trong đó: 381 hộ vào 3 cụm, tuyến dân cư vượt lũ giai đoạn II mở rộng và 518 hộ vào 3 cụm dân cư tập trung mới.

+ Xen ghép vào tuyến dân cư trên địa bàn 11 xã, phường, thị trấn với 858 hộ, chiếm 17,91% số hộ cần bố trí giai đoạn định hướng đến năm 2025.

+ Ổn định tại chỗ trên địa bàn 35 xã, phường, thị trấn với 3.033 hộ, chiếm 63,32% số hộ cần bố trí giai đoạn định hướng đến năm 2025.

Bảng 1: Phân kỳ thực hiện bố trí ổn định dân cư tỉnh Hậu Giang

S TT	Thành phố, thị xã, huyện	Tổng số hộ cần bố trí ổn định	Theo giai đoạn thực hiện	
			Giai đoạn 2017-2020	Định hướng đến năm 2025
	TOÀN TỈNH	9.919	5.129	4.790
1	Thành phố Vị Thanh	211	121	90
2	Thị xã Long Mỹ	1.153	388	765
3	Thị xã Ngã Bảy	754	605	149
4	Huyện Châu Thành	1.666	1.550	116
5	Huyện Châu Thành A	471	322	149
6	Huyện Long Mỹ	664	345	319
7	Huyện Phụng Hiệp	1.904	665	1.239
8	Huyện Vị Thủy	3.096	1.133	1.963

Bảng 2: Danh mục các dự án cụm dân cư tập trung

STT	Dự án	Số hộ bố trí (hộ)	Diện tích (ha)	Dân cư của xã, phường, thị trấn được bố trí ổn định
	Tổng số	1.835	35,72	
1	Mở rộng tuyến DCVL Cái Côn	148	2,96	Phường Ngã Bảy
2	Tuyến dân cư Mái Dầm	816	12,24	Thị trấn Mái Dầm, Xã Đông Phước, Xã Phú Hữu, Xã Phú Tân
3	Cụm DCTT xã Tân Long	118	2,46	Xã Tân Long, Xã Long Thạnh
4	Mở rộng cụm DCVL xã Tân Hòa	53	1,06	Xã Tân Hòa, Thị trấn Một Ngàn
5	Cụm DCTT xã Phương Bình	120	5,40	Xã Hiệp Hưng, Xã Phương Bình, Xã Phương Phú
6	Mở rộng cụm DCVL xã Vị Thanh	200	4,00	Xã Vị Thanh
7	Cụm dân cư tập trung xã Hiệp Hưng	180	3,60	Xã Hiệp Hưng
8	Mở rộng cụm dân cư Vĩnh Thuận Tây	200	4,00	Xã Vĩnh Thuận Tây

Bảng 3: Danh mục các dự án bố trí ổn định dân cư theo hình thức tập trung, xen ghép và ổn định tại chỗ

STT	Danh mục dự án	Địa điểm	Thời gian thực hiện	Quy mô (hộ)	Vốn hỗ trợ trực tiếp từ chương trình bố trí dân cư (triệu đồng)
	TỔNG CỘNG			9.919	498.200
I	Thành phố Vị Thanh			211	3.490
1	Ổn định dân cư xã Vị Tân	Xã Vị Tân	2018 - 2019	64	2.020
2	Ổn định dân cư 4 xã, phường	Phường I, phường III, Xã Hòa Tiên, Xã Tân Tiến	2020 - 2025	147	1.470
II	Thị xã Long Mỹ			1.153	11.530
1	Ổn định dân cư Phường Thuận An	Phường Thuận An	2021 - 2025	491	4.910
2	Ổn định dân cư Phường Trà Lồng	Phường Trà Lồng	2021 - 2025	171	1.710

TT	Danh mục dự án	Địa điểm	Thời gian thực hiện	Quy mô (hộ)	Vốn hỗ trợ trực tiếp từ chương trình bố trí dân cư (triệu đồng)
3	Ổn định dân cư xã Long Phú	Xã Long Phú	2021 - 2025	127	1.270
4	Ổn định dân cư Xã Long Trị A	Xã Long Trị A	2021 - 2025	194	1.940
5	Ổn định dân cư 5 xã, phường	Xã Bình Thành, Phường Vĩnh Tường, Xã Long Bình, Xã Long Trị, Xã Tân Phú	2021 - 2025	170	1.700
III	Thị xã Ngã Bảy			754	62.100
1	Mở rộng tuyến DCVL Cái Côn	Phường Ngã Bảy	2021 - 2025	148	24.960
2	Ổn định dân cư Phường Ngã Bảy, Phường Lái Hiếu, Xã Hiệp Lợi, Xã Tân Thành	Phường Ngã Bảy, phường Lái Hiếu, Xã Hiệp Lợi, Xã Tân Thành	2017 - 2025	177	12.270
3	Ổn định dân cư Phường Hiệp Thành	Phường Hiệp Thành	2017 - 2025	236	11.360
4	Ổn định dân cư Xã Đại Thành	Xã Đại Thành	2017 - 2025	193	13.510
IV	Huyện Châu Thành			1.666	141.720
1	Tuyên dân cư Mái Dầm	Thị trấn Mái Dầm	2017 - 2025	816	99.320
2	Ổn định dân cư thị trấn Ngã Sáu, thị trấn Mái Dầm	Thị trấn Ngã Sáu, Thị trấn Mái Dầm	2017 - 2020	107	7.490
4	Ổn định dân cư xã Đông Phú	Xã Đông Phú	2017 - 2025	180	10.260
5	Ổn định dân cư Xã Đông Phước	Xã Đông Phước	2017 - 2025	285	15.090
6	Ổn định dân cư Xã Đông Phước A, Xã Đông Thạnh, Xã Phú Hữu	Xã Đông Phước A, Xã Đông Thạnh, Xã Phú Hữu	2017 - 2020	39	2.730
7	Ổn định dân cư xã Phú An	Xã Phú An	2017 - 2025	114	2.280
9	Ổn định dân cư xã Phú Tân	Xã Phú Tân	2017-2025	125	4.550
V	Huyện Châu Thành A			471	19.300
1	Mở rộng cụm DCVL Xã Tân Hòa	Xã Tân Hòa	2021 - 2025	53	9.060
2	Ổn định dân cư	Thị trấn Một Ngàn,	2017 - 2025	39	1.290

STT	Danh mục dự án	Địa điểm	Thời gian thực hiện	Quy mô (hộ)	Vốn hỗ trợ trực tiếp từ chương trình bố trí dân cư (triệu đồng)
	Thị trấn Một Ngàn, Xã Nhơn Nghĩa A, Xã Thạnh Xuân, Thị trấn Bảy Ngàn	Xã Nhơn Nghĩa A, Xã Thạnh Xuân, Thị trấn Bảy Ngàn			
3	Ôn định dân cư Thị trấn Rạch Gòi	Thị trấn Rạch Gòi	2017 - 2025	84	840
4	Ôn định dân cư Thị trấn Cái Tắc	Thị trấn Cái Tắc	2017 - 2025	154	2.320
5	Ôn định dân cư xã Tân Phú Thạnh	Xã Tân Phú Thạnh	2017 - 2025	108	5.040
6	Ôn định dân cư Xã Trường Long Tây, Xã Trường Long A	Xã Trường Long Tây, Xã Trường Long A	2017 - 2025	33	750
VI	Huyện Long Mỹ			664	6.640
1	Ôn định dân cư Xã Lương Nghĩa	Xã Lương Nghĩa	2017 - 2025	136	1.360
2	Ôn định dân cư Xã Thuận Hòa, Xã Thuận Hưng	Xã Thuận Hòa, Xã Thuận Hưng	2017 - 2025	67	670
3	Ôn định dân cư Xã Vĩnh Thuận Đông	Xã Vĩnh Thuận Đông	2017 - 2025	237	2.370
4	Ôn định dân cư xã Xà Phiên	Xã Xà Phiên	2017 - 2025	224	2.240
VII	Huyện Phụng Hiệp			1.904	75.240
1	Cụm DCTT xã Tân Long	Xã Tân Long	2021 - 2025	118	22.360
2	Cụm DCTT xã Phương Bình	Xã Phương Bình	2017 - 2020	120	2.400
3	Cụm dân cư tập trung Xã Hiệp Hưng	Xã Hiệp Hưng	2021 - 2025	180	28.600
4	Ôn định dân cư Thị trấn Cây Dương, Thị trấn Búng Tàu, Thị trấn Kinh Cùng, Xã Bình Thành, xã Hòa An, Xã Hiệp Hưng	Thị trấn Cây Dương, Thị trấn Búng Tàu, Thị trấn Kinh Cùng, Xã Bình Thành, Xã Hòa An	2017 - 2025	138	2.700
5	Ôn định dân cư Xã Hiệp Hưng	Xã Hiệp Hưng	2017 - 2025	200	3.200
6	Ôn định dân cư xã Hòa Mỹ, Long Thạnh, Phụng Hiệp,	Xã Hòa Mỹ, Xã Long Thạnh,			

TT	Danh mục dự án	Địa điểm	Thời gian thực hiện	Quy mô (hộ)	Vốn hỗ trợ trực tiếp từ chương trình bố trí dân cư (triệu đồng)
	Phương Phú, Tân Bình, Tân Long, Tân Phước Hưng	Xã Phụng Hiệp, Xã Phương Phú, Xã Tân Bình, Xã Tân Long, Xã Tân Phước Hưng	2017 - 2025	153	1.950
7	Ổn định dân cư Xã Phương Bình	Xã Phương Bình	2017 - 2025	836	10.580
8	Ổn định dân cư Xã Thạnh Hòa	Xã Thạnh Hòa	2017 - 2025	159	3.450
III	Huyện Vị Thủy			3.096	178.180
1	Mở rộng cụm DCVL Xã Vị Thanh	Xã Vị Thanh	2021 - 2025	200	31.000
2	Mở rộng cụm DC Xã Vĩnh Thuận Tây	Xã Vĩnh Thuận Tây	2021 - 2025	200	31.000
3	Ổn định dân cư Thị trấn Nàng Mau	Thị trấn Nàng Mau	2017 - 2025	188	12.920
4	Ổn định dân cư xã Vị Bình	Xã Vị Bình	2017 - 2025	775	24.250
5	Ổn định dân cư xã Vị Đông	Xã Vị Đông	2017 - 2025	905	28.310
6	Ổn định dân cư xã Vị Thanh	Xã Vị Thanh	2017 - 2025	194	9.020
7	Ổn định dân cư xã Vị Thắng, Vị Thủy, Vị Trung	Xã Vị Thắng, Xã Vị Thủy, Xã Vị Trung	2017 - 2025	178	10.720
8	Ổn định dân cư Xã Vĩnh Thuận Tây	Xã Vĩnh Thuận Tây	2017 - 2025	145	10.150
9	Ổn định dân cư Xã Vĩnh Trung	Xã Vĩnh Trung	2017 - 2025	129	8.310
10	Ổn định dân cư Xã Vĩnh Tường	Xã Vĩnh Tường	2017 - 2025	182	12.500

6. Nguồn vốn thực hiện

a) Nhu cầu vốn đầu tư là 646.104 triệu đồng (trong đó: Vốn chương trình bố trí dân cư 498.320 triệu đồng; vốn kết hợp các chương trình khác 147.784 triệu đồng).

b) Phân kỳ vốn đầu tư:

- Giai đoạn 2017 - 2020: 340.399 triệu đồng;

- Giai đoạn định hướng đến năm 2025: 305.705 triệu đồng.

c) Vốn đầu tư theo nguồn:

- Ngân sách TW 346.358 triệu đồng, chiếm 53,61%;
- Ngân sách địa phương 37.838 triệu đồng, chiếm 5,86%;
- Vay Ngân hàng 226.770 triệu đồng, chiếm 35,10%;
- Vốn huy động 35.138 triệu đồng, 5,44%.

Bảng 4: Khái quát vốn đầu tư theo nguồn

STT	Hạng mục	Tổng vốn đầu tư (triệu đồng)	Phân theo nguồn			
			Ngân sách TW (triệu đồng)	Ngân sách địa phương (triệu đồng)	Vay Ngân hàng (triệu đồng)	Vốn huy động (triệu đồng)
	TỔNG ĐẦU TƯ	646.104	346.358	37.838	226.770	35.138
I	Vốn đầu tư phát triển	473.320	176.275	35.137	226.770	35.138
1	Xây dựng cụm dân cư tập trung	212.000	106.000		106.000	
2	Xây dựng hạ tầng cho xã, phường, thị trấn tiếp nhận dân xen ghép	140.550	70.275	35.137		35.138
3	Đầu tư đất ở và nhà ở	120.770			120.770	
II	Vốn sự nghiệp kinh tế	172.784	170.083	2.701		
1	Hỗ trợ trực tiếp hộ gia đình	145.650	145.650			
2	Tập huấn cán bộ dân cư	120	120			
3	Đào tạo nghề cho lao động	27.014	24.313	2.701		

7. Giải pháp thực hiện

a) Về cơ chế, chính sách

- Chính sách đất đai:

+ Miễn giảm tiền sử dụng đất cho các hộ dân là các đối tượng được quy định tại Điều 11, Điều 12 Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất.

+ Đối với đất cụm dân cư: Căn cứ Luật Đất đai và các quy định hiện hành, địa phương có biện pháp thu hồi đất, chuyển đổi mục đích sử dụng đất theo đúng quy hoạch, kế hoạch đã được cấp thẩm quyền phê duyệt giao cho hộ gia đình thuộc các dự án bố trí dân cư. Khuyến khích các thành phần kinh tế khác tham gia đầu tư cùng nhà nước theo cơ chế bán nền sinh lời để thu hồi vốn.

+ Đối với đất ở hộ xen ghép: Chính quyền địa phương vận động Nhân dân (nhất là bà con trong dòng họ) sang nhượng đất ở cho hộ xen ghép theo giá quy định của Nhà nước hoặc giá ưu đãi hơn so với giá thị trường để giảm bớt khó khăn cho hộ xen ghép.

+ Đối với đất sản xuất của các hộ vào cụm, tuyến dân cư: Các hộ di dân chỉ phải di chuyển nơi ở trong cùng một xã, phường thị trấn hoặc sang địa bàn lân cận ở gần đó; các hộ vẫn sử dụng đất sản xuất của mình như trước khi thực hiện di dân. Chính quyền địa phương quan tâm đến các hộ này để tập huấn, khuyến nông, chuyển giao khoa học, công nghệ, giống mới giúp họ tăng cường các biện pháp thâm canh để tăng năng suất, chất lượng sản phẩm làm ra.

- Chính sách hỗ trợ đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng:

+ Đối với cụm dân cư: Theo chính sách hỗ trợ đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng được quy định tại Quyết định số 1776/QĐ-TTg, ngân sách nhà nước hỗ trợ đầu tư kết cấu hạ tầng thiết yếu, bao gồm các hạng mục: Chi phí bồi thường, giải phóng mặt bằng và san lấp mặt bằng các cụm dân cư; đầu tư đường giao thông nối với trục chính gần nhất và nội bộ, hệ thống điện và hệ thống cấp nước sinh hoạt công cộng; công trình thủy lợi nhỏ; phòng học và các công trình thiết yếu khác.

+ Đối với xã, phường, thị trấn tiếp nhận dân đến xen ghép theo kế hoạch: Ngân sách nhà nước hỗ trợ 50 triệu đồng/hộ cho xã, phường, thị trấn nhận xen ghép để xây mới hoặc nâng cấp một số công trình hạ tầng thiết yếu như lớp học, trạm xá, thủy lợi nội đồng, đường dân sinh, công trình cấp nước công đồng. Các hạng mục công trình được lựa chọn để nâng cấp hoặc đầu tư mới do Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định theo thứ tự ưu tiên và phù hợp với thực tế xây dựng nông thôn mới của địa phương trên cơ sở có sự tham gia của cộng đồng dân sở tại.

- Chính sách hỗ trợ trực tiếp hộ gia đình:

+ Theo Quyết định số 1776/QĐ-TTg, hộ gia đình di dời vào các vùng dự án (cụm dân cư và xen ghép) được ngân sách nhà nước hỗ trợ 20 triệu đồng/hộ; di chuyển trong tỉnh mức hỗ trợ 23 triệu đồng/hộ; di chuyển ngoài tỉnh mức hỗ trợ 25 triệu đồng/hộ. Trường hợp hộ gia đình bị mất nhà, đất ở, đất sản xuất do thiên tai được hỗ trợ thêm 12 tháng lương thực theo mức tương đương 30 kg gạo/người/tháng để di chuyển người và tài sản, nhà ở, lương thực trong thời gian đầu tại nơi tái định cư, nước sinh hoạt ở những nơi không có điều kiện xây dựng các công trình cấp nước sinh hoạt tập trung.

+ Theo Quyết định số 1776/QĐ-TTg, hộ gia đình ổn định tại chỗ được ngân sách nhà nước hỗ trợ 10 triệu đồng/hộ để nâng cấp nhà ở, mua xuống và một số vật dụng phòng chống thiên tai khác.

- Chính sách hỗ trợ khác:

+ Chính sách hỗ trợ đầu tư sang nhượng đất ở và làm nhà:

• Đối với hộ nghèo và hộ khó khăn:

- Hộ di dời vào cụm dân cư tập trung và xen ghép cụm tuyến dân cư hiện hữu: Mức đầu tư để sang nhượng đất ở, di dời và xây dựng lại nhà ở dự kiến ở mức thấp nhất là khoảng 80 triệu đồng/hộ, trong đó ngoài 20 triệu đồng được hỗ trợ trực tiếp từ Chương trình ổn định dân cư theo Quyết định số 1776/QĐ-TTg, còn lại đề nghị được hỗ trợ từ nguồn vốn vay ngân hàng tương tự như hộ vào

cụm, tuyến dân cư vượt lũ giai đoạn II nhưng nâng mức vay từ 26 triệu đồng/hộ lên 60 triệu đồng/hộ, lãi suất vay 3%/năm, thời gian trả nợ tối đa 12 năm, thời gian ân hạn là 5 năm tính từ thời điểm các hộ nhận vốn vay. Mức trả nợ mỗi năm tối thiểu là 10% tổng vốn đã vay.

- Hộ ổn định tại chỗ: Mức đầu tư nâng cấp nhà ở dự kiến thấp nhất là 50 triệu đồng/hộ, trong đó ngoài 10 triệu đồng được hỗ trợ trực tiếp từ chương trình ổn định dân cư, còn lại đề nghị được hỗ trợ từ nguồn vốn vay ngân hàng tương tự như đối với hộ vào cụm, tuyến dân cư vượt lũ giai đoạn II với mức vay tối đa là 40 triệu đồng, lãi suất vay 3%/năm, thời gian trả nợ tối đa 12 năm, thời gian ân hạn là 5 năm tính từ thời điểm các hộ nhận vốn vay.

• Đối với Hộ không phải là hộ nghèo và hộ khó khăn:

- Hộ di dời vào cụm, tuyến dân cư: Mức đầu tư cho sang nhượng đất ở, di dời và xây dựng lại nhà ở dự kiến thấp nhất là 100 triệu đồng/hộ, trong đó ngoài 20 triệu đồng được hỗ trợ trực tiếp từ chương trình ổn định dân cư và vốn hộ dân tự có, đề nghị hỗ trợ từ nguồn vốn vay ngân hàng tương tự như hộ vào cụm, tuyến dân cư vượt lũ giai đoạn II nhưng nâng mức vay từ 26 triệu đồng/hộ lên 50 triệu đồng/hộ, lãi suất vay 3%/năm, thời gian trả nợ tối đa 12 năm, thời gian ân hạn là 5 năm tính từ thời điểm các hộ nhận vốn vay.

- Hộ ổn định tại chỗ: Mức đầu tư nâng cấp nhà ở dự kiến tối thiểu là 70 triệu đồng/hộ, trong đó ngoài 10 triệu đồng được hỗ trợ trực tiếp từ chương trình ổn định dân cư và vốn hộ tự có, đề nghị hỗ trợ từ nguồn vốn vay tương tự như đối với hộ vào cụm, tuyến dân cư vượt lũ giai đoạn II với mức vay tối đa là 30 triệu đồng/hộ, lãi suất vay 3%/năm, thời gian trả nợ tối đa 12 năm, thời gian ân hạn là 5 năm tính từ thời điểm các hộ nhận vốn vay.

+ Hỗ trợ đào tạo nghề: Hỗ trợ kinh phí đào tạo nghề cho lao động vùng dự án áp dụng theo Quyết định số 46/2015/QĐ-TTg ngày 28/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ về quy định chính sách hỗ trợ đào tạo nghề trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng.

+ Hỗ trợ tập huấn nghiệp vụ làm công tác bố trí dân cư: Từ nay đến năm 2020, tập huấn nghiệp vụ liên quan đến bố trí dân cư cho 80 người, gồm: Các sở ngành liên quan 10 người, mỗi huyện, thị xã, thành phố 2 người và mỗi xã, phường, thị trấn có dự án 1 người. Mức kinh phí hỗ trợ là 1,5 triệu đồng/người.

b) Vốn đầu tư

- Căn cứ theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, ngân sách trung ương bổ sung có mục tiêu cho ngân sách tỉnh và ghi thành danh mục riêng để thực hiện chương trình bố trí ổn định dân cư hàng năm và 5 năm, bao gồm vốn đầu tư phát triển và vốn sự nghiệp kinh tế;

- Tỉnh chủ động bố trí nguồn vốn do tỉnh quản lý kết hợp lồng ghép nguồn vốn của các chương trình, dự án và nguồn vốn hợp pháp khác trên địa bàn, đặc biệt là chương trình cụm tuyến dân cư vượt lũ, chương trình nhà ở xã hội (nhà ở cho người có thu nhập thấp, nhà ở cho hộ nghèo và nhà ở tình thương tình nghĩa), chương trình chỉnh trang đô thị, chương trình phát triển nông thôn, xây

dựng nông thôn mới..., để triển khai thực hiện bố trí ổn định dân cư, ưu tiên thực hiện các dự án bố trí ổn định dân cư các vùng có nguy cơ sạt lở cao.

- Khuyến khích các nhà đầu tư trong và ngoài tỉnh góp vốn đầu tư cùng Nhà nước để tiến hành đầu tư xây dựng các cụm tuyến dân cư tập trung theo cơ chế bán nền sinh lời.

c) Về phát triển sản xuất

- Thực hiện các chương trình, dự án chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi tại các dự án bố trí dân cư, hỗ trợ nông dân phát triển sản xuất theo hướng hàng hóa để nâng cao thu nhập.

- Tổ chức cung ứng giống cây trồng, vật nuôi năng suất, chất lượng cao cho sản xuất; tăng cường công tác khuyến nông, khuyến ngư, chuyên gia tiến bộ kỹ thuật, phát triển sản xuất, thâm canh, tăng vụ, nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm.

- Phát triển ngành nghề, đặc biệt là những nghề truyền thống của địa phương và các ngành nghề mới trong các cụm, tuyến dân cư tập trung.

- Tăng cường công tác thông tin, tìm kiếm thị trường; gắn sản xuất với tiêu thụ sản phẩm cho hộ dân vùng dự án bố trí dân cư.

d) Về tuyên truyền vận động

- Huy động sự tham gia của các tổ chức đoàn thể, quần chúng nhân dân, các tổ chức xã hội và cơ quan thông tin đại chúng để tuyên truyền, vận động Nhân dân hiểu rõ chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, tích cực tham gia cùng chính quyền các cấp thực hiện bố trí dân cư theo quy hoạch, kế hoạch.

- Tăng cường huy động các nguồn lực từ Nhân dân, đặc biệt là ở vùng bố trí dân cư xen ghép và ổn định tại chỗ để duy tu, sửa chữa các công trình hạ tầng đang xuống cấp, ổn định sản xuất và sinh hoạt, góp phần thực hiện hoàn thành chương trình xây dựng nông thôn mới.

e) Giải pháp giảm thiểu tác động môi trường

- Các giải pháp công trình:

+ Tại các xã có dự án cần quy hoạch các điểm trung chuyển rác và có tổ chức thu gom rác về nơi quy định; đối với các cụm dân cư tập trung khi thiết kế, xây dựng phải có phương án xử lý môi trường theo quy định.

+ Các trang trại, cơ sở ngành nghề nông thôn trong vùng dự án phải có hệ thống xử lý chất thải và nước thải để hạn chế đến mức thấp nhất.

+ Hỗ trợ người dân xây dựng chuồng trại chăn nuôi và cơ sở giết mổ theo quy định; đẩy mạnh chương trình cải tạo, nâng cấp và xây mới nhà vệ sinh đạt tiêu chuẩn vệ sinh môi trường.

- Các giải pháp phi công trình:

+ Tuyên truyền, vận động người dân thay đổi hành vi, thói quen và nâng cao ý thức bảo vệ môi trường.

+ Các cụm, tuyến dân cư cần xây dựng và thực hiện theo quy chế quản lý khu dân cư và quy chế quản lý thôn ấp, trong đó có các quy định về môi trường.

+ Tăng cường công tác quản lý nhà nước về môi trường, xử lý nghiêm các hành vi gây ô nhiễm môi trường, đặc biệt là không cấp phép cho các chủ trang trại, doanh nghiệp, cơ sở sản xuất tiêu thụ công nghiệp và ngành nghề nông thôn không có hệ thống xử lý môi trường và có hành động gây ô nhiễm môi trường.

Điều 2. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát quá trình thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Hậu Giang Khóa IX Kỳ họp thứ Bảy thông qua ngày 08 tháng 12 năm 2017 và có hiệu lực từ ngày 18 tháng 12 năm 2017. / *Q*

Nơi nhận:

- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ (HN-TP.HCM);
- Bộ NN và PTNT;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra văn bản QPPL);
- TT: TƯ, HĐND, UBND tỉnh;
- Đại biểu Quốc hội đơn vị tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- UBMTTQVN và đoàn thể tỉnh;
- VP. Tỉnh ủy và các Ban Đảng;
- VP: Đoàn ĐBQH, HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- HĐND, UBND, UBMTTQVN cấp huyện;
- Cơ quan Báo, Đài tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- Lưu: VT. *↓*

CHỦ TỊCH



Huỳnh Thanh Tạo